

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-PT.

Ngày: 21/01/2019

V/v: "*Tranh chấp QSDĐ và tài
sản gắn liền với đất.*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Hà;
Ông Bạch Đăng Thi.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Nguyễn Đức Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 21/01/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2018/TLPT- DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc "*Tranh chấp về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2019/QĐ-PT ngày 08/01/2019 giữa:

Nguyên đơn: Ông Đồng Bá D, sinh năm 1939, có mặt.

Địa chỉ: Thôn X, Làng H, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: UBND xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang - Do ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã A là đại diện theo pháp luật, có mặt.

Địa chỉ: Xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Thị L, sinh năm 1946, vợ ông D, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn X, Làng H, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Do ông Đồng Bá D là đại diện theo ủy quyền.

2. Thôn X, Làng H, xã A - Do ông Hoàng Văn H - Chức vụ: Trưởng thôn là đại diện theo pháp luật, có mặt.

3. UBND huyện L - Do ông Nghiêm Phú S1 - Phó trưởng phòng TN & MT huyện L là đại diện theo ủy quyền, vắng mặt.

Địa chỉ: Thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* Do có kháng cáo của ông Đồng Bá D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Đồng Bá D trình bày: Căn cứ Nghị quyết số 22/1974/NQ của Đảng và Nghị quyết Đại hội xã viên Hợp tác xã (HTX) L, xã A thì ngày 15/9/1974, HTX L, xã A có giao cho bố ông là Đồng Bá Th và ông là Đồng Bá D phần đất có diện tích là 2 sào 9 thước để làm nhà ở. Trong đó, ông được chia 1 sào 4 thước, bố ông được chia 1 sào 4 thước, còn lại 1 thước đất được sử dụng làm lối đi chung của hai bố con ông về hướng Tây Bắc của thửa đất mà HTX đã giao. Năm 1982, ông đã mở lối đi khác về phía Nam của thửa đất mà không đi lối đi cũ nữa. Lối đi mới sát với đất của hộ bà Nguyễn Thị S (bà S có chồng là ông Đ) là hàng xóm của ông. Khi ông mở lối đi này thì hộ gia đình bà S, ông Đ đã đề nghị ông cho gia đình bà S đi nhờ lối đi của ông. Ông đã nói với ông Đ là chỉ cho hộ gia đình ông Đ đi nhờ, khi nào ông cần đến phần đất là lối đi này thì ông Đ phải đi theo lối đi cũ của hộ gia đình ông Đ đã đi trước đó để trả lại đất cho ông. Tháng 5/2012, ông có ý định làm nhà ra phía đường đi nên ông đã đề nghị vợ chồng bà S, ông Đ phải trả lại đường đi cho ông nhưng vợ chồng bà S không đồng ý. Tháng 6/2012, ông đã bịt lối đi lại và ông không cho hộ gia đình bà S đi nhờ nữa. Bà S và ông đã xảy ra tranh chấp lối đi. Bà S đã yêu cầu UBND xã A giải quyết về tranh chấp lối đi giữa 2 gia đình. UBND xã A đã ban hành Quyết định xử phạt hành chính và Quyết định cưỡng chế buộc ông phải khôi phục lại lối đi cũ với lý do: “Đường đi giữa hộ gia đình ông và hộ gia đình bà S là đất của tập thể”. Lúc này ông mới biết là hộ gia đình ông đã bị mất 01 phần đất là lối đi này. Ông khẳng định: Phần đất là lối đi này trước kia là đất của hộ gia đình ông. Khi ông mở lối đi khác về phía Nam của thửa đất thì ông đã sử dụng 1 phần đất của hộ gia đình mình làm lối đi. Theo ông thì việc ông bị mất đất là do: Năm 1989, Nhà nước đã cử người về địa phương đo đất của các hộ gia đình, khi đó gia đình ông không có ai ở nhà để chỉ ranh giới

đất nên cán bộ thực hiện việc đo đạc đã không đo phần diện tích đường đi này vào đất của hộ gia đình ông. Ngay sau đó ông đã khiếu nại đến UBND xã A và UBND huyện L. UBND xã A và UBND huyện L đã có văn bản giải quyết về việc khiếu nại của ông, nhưng ông không nhất trí với nội dung giải quyết khiếu nại của UBND xã A và UBND huyện L. Nay, ông nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu UBND xã A trả lại cho ông phần đất là lối đi có diện tích 37,8m²; ông yêu cầu Thôn X phải tháo dỡ 33,6 m² đường bê tông đã cứng hóa trên phần đất này để trả đất cho hộ gia đình ông.

UBND xã A do ông Nguyễn Văn T đại diện trình bày: Tháng 9/1974, HTX L, xã A có giao cho 2 bố con ông Đồng Bá Th; ông Đồng Bá D phần đất có diện tích là 2 sào 9 thước để làm nhà ở. Trong đó, ông D (là con) được chia 1 sào 4 thước; ông Th (là bố) được chia 1 sào 4 thước, còn lại 1 thước làm lối đi chung của hai bố con ông Th về hướng Tây Bắc thửa đất của 2 gia đình ông Th và ông D. Năm 1982, ông D đã bỏ đường đi cũ và mở đường đi mới về hướng Nam thửa đất của hộ gia đình ông D.

Năm 1988, UBND xã A thiết lập đo đạc bản đồ địa chính làm căn cứ pháp lý để cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho các hộ gia đình trong xã A. Ngày 10/11/1992, hộ ông Đồng Bá D được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số: B306217 tại thửa số 192, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất: Thôn X, xã A, huyện L, diện tích 496m² (trong đó có 360m² đất ở và 136m² đất vườn); Giấy chứng nhận QSDĐ của ông D không có phần đất là đường đi giữa hộ ông D và hộ bà Nguyễn Thị S liền kề. Phần đất mà hộ gia đình ông D đang sử dụng kể từ năm 1992 đến nay là ổn định, không có tranh chấp và hộ gia đình ông D vẫn nộp thuế sử dụng đất đầy đủ.

Năm 2001, Thôn X, xã A đã tiến hành cứng hóa bê tông đường đi nhằm phục vụ cho việc đi lại cho nhân dân trong thôn trong đó phần đất là lối đi giữa hộ ông D và hộ bà S cũng được bê tông hóa.

Tại bản đồ địa chính đo vẽ năm 1988 thể hiện rõ ranh giới thửa đất của hộ ông D và phần đất là lối đi chung giữa hộ ông D và hộ bà S cụ thể phần đất của hộ gia đình ông D không có phần đất là lối đi chung giữa hộ ông D và hộ bà S. Nếu so sánh diện tích đất của hộ ông D được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận QSDĐ năm 1992 với diện tích đất do HTX L cấp cho hộ ông D năm 1974 thì phần đất mà hộ gia đình ông D đang sử dụng đã thừa 40m².

Từ những căn cứ nêu trên, UBND xã A xác định ông Đồng Bá D khởi kiện yêu cầu UBND xã A trả lại diện tích 37,8m² và Thôn X phải tháo dỡ 33,6 m² đường bê tông đã cứng hóa trên đất để trả cho ông D là không có căn cứ. UBND xã

A yêu cầu ông D sử dụng đúng diện tích mà hộ ông D đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ và đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông D.

UBND huyện L do ông Nghiêm Phú S1 đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 15/9/1974, Ban quản lý HTX L, xã A lập biên bản giải quyết đất ở cho bố con ông Đồng Bá Th và ông Đồng Bá D, mỗi hộ được giao diện tích 1 sào 4 thước đất (tương đương 456 m²) để xây dựng nhà ở và để riêng 1 thước đất (tương đương 24m²) làm đường đi chung cho hộ ông Th và hộ ông D. Biên bản giải quyết đất ở cho hai hộ nêu trên không thể hiện cụ thể, kích thước, vị trí thửa đất và đường đi chung như thế nào.

Theo bản đồ địa chính số: 03 xã A đo đạc năm 1988 (đo đạc chỉnh lý năm 1992) thì đất hộ ông Th thể hiện tại thửa số 191, diện tích 552m²; hộ ông Th sử dụng đường đi chung tại vị trí phía Đông Bắc của thửa đất của hộ ông Th; đất hộ ông D thể hiện tại thửa số 192, diện tích 496m²; hộ ông D sử dụng đường đi chung với một số hộ khác tiếp giáp phía Nam của thửa đất của hộ ông D.

Ngày 10/11/1992, hộ ông Đồng Bá D được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số B306217 tại thửa số 192, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất: Thôn X, xã A, huyện L, diện tích 496m² (trong đó có 360m² đất ở và 136m² đất vườn); Hộ ông D cùng một số hộ khác sử dụng đường đi chung nêu trên ổn định trên 30 năm và năm 2001 đường đi chung đã được Thôn X, xã A cứng hóa đường bê tông.

Ngày 05/7/2012, UBND xã A đã lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông D vì ông D đã để gạch, cay xỉ, tẩm Pờ rô xi măng, gỗ) cản trở việc đi lại của một số hộ liền kề. Cùng ngày 05/7/2012, Chủ tịch UBND xã A đã ban hành Quyết định số 137/QĐ-CC về việc: “Áp dụng biện pháp cưỡng chế buộc ông D phải giải tỏa gạch, cay xỉ, tẩm Pờ rô xi măng, gỗ trên đường đi chung”.

Ngày 30/7/2012, Chủ tịch UBND xã A ban hành Kết luận số 01/KL-UBND về việc giải quyết đơn của ông D có nội dung: "Hộ ông D phải tôn trọng diện tích đất ở theo Giấy chứng nhận QSDĐ và đường đi chung mà các hộ đã sử dụng ổn định".

Ngày 16/4/2013, Chủ tịch UBND xã A ban hành văn bản số 01/UBND-TL về việc trả lời đơn của ông D có nội dung: "Việc ông D đề nghị giải quyết đòi lại đất đường đi chung hiện nay, trước đây thuộc đất ở của hộ ông D là không có căn cứ”.

Như vậy, việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đồng Bá D đã được Chủ tịch UBND xã A xem xét giải quyết tại các văn bản nêu trên là khách quan, đúng quy

định của pháp luật. Nay, ông D đã khởi kiện yêu cầu UBND xã A trả lại cho ông D phần đất là lối đi có diện tích $37,8m^2$ và việc ông D yêu cầu Thôn X phải tháo dỡ $33,6m^2$ đường bê tông trên phần đất là đường đi là không có căn cứ. UBND huyện L đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D.

Do bận công việc nên ông xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Ông Hoàng Trung H - Trưởng Thôn 2, xã A đã trình bày: Ngày 15/9/1974, gia đình ông Đồng Bá D được HTX L, xã A cấp cho 01 thửa đất có diện tích 1 sào 4 thước (tương đương $456 m^2$) khi cấp không có sơ đồ đất thể hiện các cạnh tiếp giáp với các hộ liền kề.

Năm 1992, hộ ông Đồng Bá D được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số B306217 tại thửa số 192, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất: Thôn X, xã A, huyện L, diện tích: $496m^2$ (trong đó có $360m^2$ đất ở và $136m^2$ đất vườn). Tại thời điểm sử dụng đất năm 1974, hộ ông D mở đường đi về phía Bắc thửa đất của hộ gia đình ông D. Năm 1982, hộ ông D mở cổng đi về phía Nam thửa đất của hộ gia đình ông D và hiện nay phần đất là lối đi này đang xảy ra tranh chấp với UBND xã và Thôn X. So sánh về diện tích mà UBND huyện L đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông D năm 1992 với diện tích đất do HTX L cấp cho hộ ông D năm 1974 thì phần đất mà hộ ông D đang sử dụng đã thừa $40m^2$. Lý do của việc ông D thừa đất là do: Sau khi ông D mở lối đi về phía Nam của thửa đất của hộ gia đình ông D thì hộ ông D đã sử dụng cả phần đất là đường đi cũ về phía Tây Bắc (có diện tích là 1 thước đất) mà HTX đã cấp trước kia cho hộ gia đình ông D và hộ gia đình ông Th. Phần đất mà hộ gia đình ông D đang sử dụng là ổn định từ khi ông D được HTX cấp đất cho đến nay.

Năm 2001, Thôn X, xã A đã bê tông hóa đường đi trong thôn. Do ông là Trưởng thôn nên trước khi Thôn X bê tông hóa đường đi, ông đã đến UBND xã A xem bản đồ địa chính của UBND xã. Theo bản đồ địa chính của UBND xã thì phần đất là đường đi này không thuộc phần đất của hộ gia đình ông D. Mặt khác đường đi này đã có mốc giới rõ ràng, khi Thôn X bê tông hóa đường đi thì ông D nhất trí và không có ý kiến gì. Theo ông thì phần đất tranh chấp này là đường đi chung của hộ ông D và hộ gia đình bà S từ năm 1982 cho đến nay. Nay, ông D khởi kiện và yêu cầu Thôn X, xã A phải tháo dỡ $33,6m^2$ đường bê tông để trả lại đất cho ông D là không có căn cứ.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST, ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 115, 688 Bộ luật dân sự; Các Điều 48,

49 Luật đất đai năm 1987; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Bá D về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã A, huyện L phải trả cho ông Đồng Bá D phần đất là đường đi chung có diện tích $37,8\text{m}^2$; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Bá D về việc yêu cầu Thôn X, xã A, huyện L phải tháo dỡ phần đất có diện tích $33,6\text{m}^2$ đã bê tông hóa trên phần đất là đường đi chung.

2. Về chi phí Tố tụng: Ông Đồng Bá D phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là đất tranh chấp và tài sản gắn liền với đất. Hoàn trả cho ông Đồng Bá D 3.000.000 đồng đã nộp ngày 27/3/2018.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí DSST cho ông Đồng Bá D.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 05/9/2018, ông Đồng Bá D nộp đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm đã xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đồng Bá D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Ông Đồng Bá D trình bày: Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông là không có căn cứ. Theo Biên bản giao đất ngày 15/9/1974 của HTX L thì ông được sử dụng phần đất có diện tích 1 sào 4 thước (tương đương 456m^2). Phần đất là đường đi chung giữa ông và bố ông về hướng Tây Bắc là 1 thước. Năm 1982, hộ gia đình ông mở cổng đi về phía Nam thửa đất. Khi mở cổng mới này thì ông phải bỏ 1 phần đất của gia đình mình để làm lối đi. Hộ gia đình bà Nguyễn Thị S đã đi nhờ lối đi của gia đình ông. Do ông không đi lối đi cũ nữa nên phần đất là lối đi cũ ở hướng Tây Bắc đã được bố ông sử dụng. Sau này phần đất của bố ông đã được anh trai ông là ông Đồng Bá S2 quản lý, sử dụng. Do ông đã phải bỏ 1 phần đất của gia đình mình làm lối đi nên ông yêu cầu Thôn X phải phá đường bê tông và UBND xã A phải trả cho ông phần đất là lối đi này.

+ UBND xã A do ông Nguyễn Văn T đại diện và Thôn X, xã A do ông Hoàng Trung H đại diện đều trình bày: UBND xã A và Thôn X không nhất trí với kháng cáo của ông D vì lý do: Biên bản giao đất của HTX L cho ông D ngày 15/9/1974 không có sơ đồ đất và không có ranh giới và kích thước của thửa đất. Phần đất là lối đi có diện tích là 1 thước được giao cho bố con ông D là lối đi chung nên không

thể khẳng định phần đất lối đi này là của hộ gia đình ông D. Hơn nữa, khi ông D mở lối đi khác về phía Nam của thửa đất thì phần đất là lối đi cũ đã được bố con ông D quản lý, sử dụng. Ông D tự ý mở lối đi khác thì ông D phải bỏ 1 phần đất của hộ gia đình làm lối đi vì bố con ông D đã được lợi đối với phần đất là lối đi cũ ở phía Tây Bắc của thửa đất. Ông D trình bày là ông D bị mất đất nhưng thực tế thì diện tích đất của hộ ông D đã thừa $40m^2$ so với diện tích đất của hộ ông D ghi trong Giấy chứng nhận QSDĐ. Việc ông D kháng cáo là không có căn cứ và không đúng đối tượng vì: UBND xã A cũng không chiếm hữu, sử dụng đất của ông D. Hơn nữa, UBND xã cũng không có thẩm quyền thu hồi đất của ông D. Phần đất là lối đi này thì thực tế ông D vẫn đang sử dụng.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.
- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của ông Đồng Bá D, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 15/9/1974, Ban quản lý HTX L, xã A có giao cho 2 bố con ông Đồng Bá Th; ông Đồng Bá D phần đất có diện tích là 2 sào 9 thước để làm nhà ở. Trong đó, ông D được chia 1 sào 4 thước (tương đương $456m^2$); ông Th được chia 1 sào 4 thước (tương đương $456m^2$), còn lại 1 thước (tương đương $24m^2$) làm lối đi chung của hai bố con ông Th, ông D về hướng Tây Bắc thửa đất của gia đình ông Th và ông D. Năm 1982, ông D đã không đi lối đi cũ mà mở cổng đi vào lối đi về phía Nam của thửa đất sát nhà bà Nguyễn Thị S là hàng xóm của ông D.

Theo ông D đã trình bày thì khi ông D mở lối đi thì hộ gia đình bà S đã yêu cầu ông D cho đi nhờ lối đi của ông D. Ông D cũng đồng ý cho hộ gia đình bà S đi nhờ lối đi nhưng với điều kiện là khi nào ông D cần sử dụng lối đi này thì gia đình bà S phải đi theo lối đi cũ để trả lại đất cho ông D. Tháng 5/2012, ông D có ý định làm nhà ra phía đường đi nên ông D đã bảo với bà S về việc vợ chồng bà S, ông D phải trả đường đi cho ông D nhưng vợ chồng bà S không đồng ý. Tháng 6/2012,

ông D đã lấp lối đi này lại mà không cho hộ gia đình bà S đi nhờ nữa. Bà S đã yêu cầu UBND xã A giải quyết tranh chấp lối đi giữa 2 gia đình. UBND xã A đã ban hành Quyết định xử phạt hành chính và Quyết định cưỡng chế buộc ông D phải khôi phục lại lối đi cũ với lý do: “Đường đi nêu trên là đất của tập thể”. Ngay sau đó ông D đã khiếu nại đến UBND xã A và UBND huyện L. UBND xã A và UBND huyện L đã có văn bản giải quyết về việc khiếu nại của ông D. Ông D không nhất trí với nội dung giải quyết khiếu nại của UBND xã A và UBND huyện L. Nay, ông D nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Thôn X phải tháo dỡ 33,6 m² đường bê tông đã cứng hóa và yêu cầu UBND xã A trả lại cho ông D phần đất là lối đi có diện tích 37,8m².

Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu của ông Đồng Bá D. Sau khi xét xử ông D nộp đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xử vì lý do: Phần đất lối đi này là của hộ ông D. Phần đất này có nguồn gốc là HTX L đã giao cho ông từ năm 1974.

Xét kháng cáo của ông Đồng Bá D, Hội đồng xét xử xét thấy:

Biên bản giải quyết đất ở cho hộ ông Th và hộ ông D của Ban quản lý HTX L, xã A ngày 15/9/1974 đã không thể hiện sơ đồ đất giao cho ông Th và ông D; phần đất đã giao cũng không thể hiện cự ly, kích thước, vị trí của thửa đất và phần đất là đường đi chung của 02 hộ gia đình ông Th và ông D.

Tại bản đồ địa chính đo vẽ năm 1988 thể hiện rõ ranh giới thửa đất của hộ ông D và ranh giới phần đất là lối đi chung giữa hộ ông D và hộ bà S. Nhưng tại Bản đồ địa chính này cũng đã thể hiện phần đất đất là lối đi chung giữa hộ ông D và hộ bà S không phải của hộ gia đình ông D.

Theo bản đồ địa chính số 03 xã A đo đạc năm 1988 nhưng đã được chỉnh lý năm 1992 đã thể hiện: Đất của hộ ông D là thửa số 192, diện tích là 496m². Ông D đã sử dụng đường đi chung với hộ bà Nguyễn Thị S và một số hộ khác liền kề tiếp giáp về phía Nam thửa đất của hộ ông D. Bản đồ địa chính này cũng đã thể hiện rõ ranh giới thửa đất của hộ ông D và phần đất là lối đi chung giữa hộ ông D và hộ bà S. Phần đất là lối đi chung giữa hộ ông D và hộ bà S không thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ ông D.

Ngày 10/11/1992, hộ ông D được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận QSD đất số B306217 tại thửa số 192, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất: Thôn X, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang, diện tích đất là 496m² (trong đó 360m² đất ở và 136m² đất vườn). Phần đất tranh chấp là đường đi chung này cũng không nằm trong phần đất mà hộ ông D đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.

Nếu so sánh diện tích đất của hộ ông D được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận QSDĐ năm 1992 với diện tích đất do HTX L cấp cho hộ ông D năm 1974 thì phần đất mà hộ gia đình ông D đang sử dụng đã tăng 40m² so với trước.

Theo đại diện của UBND xã A và đại diện Thôn X đã trình bày thì phần đất là đường đi chung này vẫn do hộ ông D và các hộ liền kề sử dụng ổn định từ năm 1985 cho tới nay. Năm 2001, phần đất là lối đi chung này đã được Thôn X, xã A bê tông hóa để cho các hộ dân trong thôn sử dụng và cũng không xảy ra tranh chấp.

Nay, ông D cho rằng phần đất là đường đi chung là của ông D và ông D đã để gạch, cay xi, tấm Pờ rô xi măng, gõ vào phần đường đi chung và đã cản trở việc đi lại của một số hộ liền kề.

Ngày 05/7/2012, UBND xã A đã lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Đồng Bá D vì ông D đã có hành vi cản trở việc đi lại của một số hộ liền kề.

Cùng ngày 05/7/2012, Chủ tịch UBND xã A đã ban hành Quyết định số 137/QĐ-CC về việc: “Áp dụng biện pháp cưỡng chế buộc ông D phải giải tỏa gạch, cay xi, tấm Pờ rô xi măng, gõ trên phần đường đi chung”.

Ngày 30/7/2012, Chủ tịch UBND xã A ban hành Kết luận số 01/KL-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông D có nội dung: "Hộ ông Đồng Bá D phải tôn trọng diện tích đất ở theo Giấy chứng nhận QSDĐ và đường đi chung mà các hộ đã sử dụng ổn định".

Ngày 16/4/2013, Chủ tịch UBND xã A ban hành văn bản số: 01/UBND-TL về việc trả lời đơn của ông D có nội dung: "Việc ông Đồng Bá D đề nghị giải quyết đòi lại đất đường đi chung hiện nay, trước đây thuộc đất ở của hộ ông D là không có căn cứ”.

Từ những phân tích nêu trên thì thấy: Việc ông Đồng Bá D khởi kiện yêu cầu Thôn X phải tháo dỡ 33,6 m² đường bê tông đã cứng hóa và yêu cầu UBND xã A trả lại cho ông D phần đất là lối đi có diện tích 37,8m² là không có cơ sở chấp nhận. Hơn nữa, việc ông D khởi kiện UBND xã A phải trả lại đất cho ông D cũng là không đúng đối tượng vì UBND xã A cũng không chiếm hữu phần đất là lối đi này.

Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông D là có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không giải quyết.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của ông Đồng Bá D, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Áp dụng áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 115, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 48, 49 Luật đất đai năm 1987; Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Bá D về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã A, huyện L phải trả cho ông Đồng Bá D phần đất là đường đi chung có diện tích 37,8m².

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Bá D về việc yêu cầu Thôn X, xã A, huyện L phải tháo dỡ phần đất có diện tích 33,6m² đã bê tông hóa trên phần đất là đường đi chung.

3. Về chi phí Tố tụng: Ông Đồng Bá D phải chịu 2.000.000đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là đất tranh chấp và tài sản gắn liền với đất. Hoàn trả cho ông Đồng Bá D 3.000.000đồng đã nộp ngày 27/3/2018.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí DSST cho ông Đồng Bá D.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí DSPT cho ông Đồng Bá D.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

-Lưu HS; VP.

Đã ký
Phạm Thị Minh Hiền